

**CÔNG TY TNHH TM DV AETD COUS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM DV AETD COUS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TM DV AETD COUS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AETD COUS CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502504214

**3. Ngày thành lập:** 01/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

1382/30A/8 Đường 30/4, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0979792112

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước, sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                               | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.                                                                                                                                                                                                      | 4649        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                                                                                                                                                                                   | 4659(Chính) |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, inox, nhôm, đồng kẽm (trừ bán buôn phế liệu, phế thải kim loại tại trụ sở và trừ mua bán vàng miếng)                                                                                                                                       | 4662        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn giàn giáo xây dựng.                                                                                                                                                                                                                     | 4669        |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Gia công giàn giáo, cốp-pha, cây chống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và không sản xuất tại trụ sở)                                                                                                     | 2599        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                             | 4933                                                         |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)                                                                                                                                                          | 5210                                                         |
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê giàn giáo, cốp-pha, cây chống, Cho thuê thiết bị máy móc phục vụ xây dựng.                                                             | 7730                                                         |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                           | 4101                                                         |
| 14. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                     | 4102                                                         |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                               | 4211                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                | 4212                                                         |
| 17. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                         | 4222                                                         |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                           | 4229                                                         |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                  | 4299                                                         |
| 20. | Phá dỡ<br>Chi tiết: Tháo dỡ các công trình xây dựng.                                                                                                                                                                                        | 4311                                                         |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                           | 4312                                                         |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết : Lắp đặt các hệ thống phòng cháy, chữa cháy, báo cháy, chống đột nhập                                                                                                                                    | 4321                                                         |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                        | 4752                                                         |
| 24. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4759                                                         |
| 25. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HOÀNG VĂN DUY

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/07/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075092000315

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Ấp Bàu Ngứa, Xã Tân Lâm, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Bàu Ngứa, Xã Tân Lâm, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG VĂN DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/07/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075092000315

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Ấp Bàu Ngứa, Xã Tân Lâm, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Bàu Ngứa, Xã Tân Lâm, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu